

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Cho các chất:

I.  $C_{17}H_{35}COONa$ ; II.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2OSO_3Na$ ; III.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2C_6H_4SO_3Na$ ; IV.  $C_{17}H_{33}COOK$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A.II, III.                      B.I, II, III, IV.                      C.I, II, III.                      D.I, IV.

**Câu 2.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit  $O_2$  đktc thu được 5,4 gam  $H_2O$ . Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng  $Ca(OH)_2$  dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A.20 gam.                      B.10 gam.                      C.40 gam.                      D.30 gam.

**Câu 3.** Tripeptit là hợp chất

- A. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit  
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit  
C. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau  
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

**Câu 4.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc axit no.                      B. Liên kết đôi  $C=O$  trong chất béo.  
C. Gốc axit không no (nội đôi  $C=C$ ).                      D. Gốc glixerol.

**Câu 5.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

- A. chất béo.                      B. lipid.                      C. este.                      D. protein.

**Câu 6.** Chất X là chất không màu, không làm quỳ tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

- A. HCHO.                      B.  $CH_3COOH$ .                      C.  $HCOOCH_3$ .                      D. HCOOH.

**Câu 7.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A. axit HCl.                      B. nước brom.                      C. dung dịch  $FeCl_3$ .                      D.  $Cu(OH)_2$ .

**Câu 8.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Ancol.                      B. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.  
C. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.                      D. Dung dịch brom.

**Câu 9.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

- A.  $[Ag(NH_3)_2]OH$ .                      B.  $H_2/Ni, t^o$ .                      C. Dung dịch brom.                      D.  $Cu(OH)_2$ .

**Câu 10.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A. Fructozơ.                      B. Glucozơ,                      C. Axit axetic.                      D. Saccarozơ,

**Câu 11.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A. glucozơ.                      B. fructozơ.                      C. tinh bột.                      D. saccarozơ.

**Câu 12.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí  $CO_2$  và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

- A. Este đơn chức, có vòng no.                      B. Este đơn chức, thơm.  
C. Este no, đơn chức.                      D. Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).

**Câu 13.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A.190.                      B.189.                      C.192.                      D.191.

**Câu 14.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $CN-CH=CH_2$  có tên gọi thông thường là

- A. cao su buna-N.                      B. cao su buna-S.                      C. cao su.                      D. cao su buna.

**Câu 15.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $< 0,1\%$ .  
B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ  $0,1\% \rightarrow 0,2\%$ .  
C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $= 0,1\%$ .  
D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $> 0,1\%$ .

**Câu 16.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ...(2)... liên kết với nhau tạo nên.

A.(1) trung bình và (2) mắt xích.

B.(1) rất lớn và (2) mắt xích.

C.(1) trung bình và (2) monome.

D.(1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 17.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

A.23,92g.

B.24,95g.

C.23,95g.

D.26,12g.

**Câu 18.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

A.Nước brom.

B.Cu(OH)<sub>2</sub>.

C.Na kim loại.

D.Dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub>.

**Câu 19.** Axit adipic và hexametylen diamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

A. nitron.

B.lapsan.

C.nilon-6,6.

D.nilon-6.

**Câu 20.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ (C<sub>6</sub>H<sub>10</sub>O<sub>5</sub>) có mấy nhóm hydroxyl?

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 2.

**Câu 21.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo C<sub>6</sub>H<sub>5</sub>NH<sub>2</sub> là :

A. Hexyl amoni.

B. Anilin.

C. Benzil amoni.

D.Benzyl amoni.

**Câu 22.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

A. đều không có phản ứng tráng bạc.

B.đều tác dụng được với Cu(OH)<sub>2</sub> cho dung dịch xanh lam.

C.chúng thuộc loại cacbohidrat.

D.đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.

**Câu 23.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng CO<sub>2</sub> sinh ra cho qua dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

A. 950,5g.

B.949,2g.

C.940 g.

D. 1000g.

**Câu 24.** Khử glucozơ bằng hidro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

A. 22,5 gam.

B. 14,4 gam.

C. 1,44 gam.

D.2,25 gam.

**Câu 25.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

A.Nhóm amino.

B. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.

C. Nhóm cacboxyl.

D. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.

**Câu 26.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

A.CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.

B.CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>.

C.HCOOCH<sub>3</sub>.

D.HCOOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.

**Câu 27.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

A.Etyl axetat.

B.Axyl etylat.

C. Axetyl etylat.

D.Metyl axetat.

**Câu 28.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, đietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

A. 20,18g.

B.16,825g.

C. 21,123g.

D.16,285g.

**Câu 29.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A.etyl propionat.

B.etyl fomiat.

C.propyl axetat.

D.etyl axetat.

**Câu 30.** Công thức phân tử C<sub>3</sub>H<sub>9</sub>N ứng với bao nhiêu đồng phân?

A.bốn đồng phân.

B. năm đồng phân.

C.ba đồng phân.

D. hai đồng phân.

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

- Câu 1.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?  
A. Dung dịch brom. B. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.  
C. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ. D. Ancol.
- Câu 2.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?  
A. nước brom. B. dung dịch  $FeCl_3$ . C. axit HCl. D.  $Cu(OH)_2$ .
- Câu 3.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là  
A. fructozơ. B. saccarozơ. C. tinh bột. D. glucozơ.
- Câu 4.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?  
A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $> 0,1\%$ .  
B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $= 0,1\%$ .  
C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ  $0,1\% \rightarrow 0,2\%$ .  
D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $< 0,1\%$ .
- Câu 5.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lít  $O_2$  đktc thu được 5,4 gam  $H_2O$ . Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng  $Ca(OH)_2$  dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?  
A. 10 gam. B. 30 gam. C. 20 gam. D. 40 gam.
- Câu 6.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hiđroxyl?  
A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.
- Câu 7.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là  
A. etyl axetat. B. propyl axetat. C. etyl fomat. D. etyl propionat.
- Câu 8.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là  
A. đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.  
B. đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.  
C. đều không có phản ứng tráng bạc.  
D. chúng thuộc loại cacbohidrat.
- Câu 9.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?  
A. Fructozơ. B. Axit axetic. C. Glucozơ. D. Saccarozơ.
- Câu 10.** Chất X là chất không màu, không làm quỳ tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?  
A.  $CH_3COOH$ . B.  $HCOOCH_3$ . C.  $HCOOH$ . D.  $HCHO$ .
- Câu 11.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?  
A. hai đồng phân. B. bốn đồng phân. C. năm đồng phân. D. ba đồng phân.
- Câu 12.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí  $CO_2$  và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:  
A. Este đơn chức, thơm. B. Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).  
C. Este no, đơn chức. D. Este đơn chức, có vòng no.
- Câu 13.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $CN-CH=CH_2$  có tên gọi thông thường là  
A. cao su. B. cao su buna-N. C. cao su buna. D. cao su buna-S.
- Câu 14.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:  
A. protein. B. este. C. chất béo. D. lipid.
- Câu 15.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng  $CO_2$  sinh ra cho qua dung dịch  $Ca(OH)_2$  dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:  
A. 1000g. B. 940 g. C. 950,5g. D. 949,2g.

**Câu 16.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

- A. nilon-6,6.                      B. nilon-6.                      C. nitron.                      D. lapsan.

**Câu 17.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ...(2)... liên kết với nhau tạo nên.

- A.(1) trung bình và (2) monome.                      B.(1) trung bình và (2) mắt xích.  
C.(1) rất lớn và (2) mắt xích.                      D.(1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 18.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A. Axetyl etylat.                      B. Axyl etylat.                      C. Etyl axetat.                      D. Metyl axetat.

**Câu 19.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

- A. Nhóm cacboxyl.  
B. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.  
C. Nhóm amino.  
D. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.

**Câu 20.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A. Dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$ .                      B. Nước brom.  
C.  $\text{Cu(OH)}_2$ .                      D. Na kim loại.

**Câu 21.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  là :

- A. Benzil amoni.                      B. Anilin.                      C. Benzyl amoni.                      D. Hexyl amoni.

**Câu 22.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A. 24,95g.                      B. 23,92g.                      C. 26,12g.                      D. 23,95g.

**Câu 23.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A. 192.                      B. 191.                      C. 189.                      D. 190.

**Câu 24.** Tripeptit là hợp chất

- A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau  
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit  
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit  
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

**Câu 25.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 16,825g.                      B. 16,285g.                      C. 21,123g.                      D. 20,18g.

**Câu 26.** Khử glucozơ bằng hiđro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 22,5 gam.                      B. 2,25 gam.                      C. 14,4 gam.                      D. 1,44 gam.

**Câu 27.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc axit không no (nội đôi  $\text{C}=\text{C}$ ).                      B. Gốc glixerol.  
C. Liên kết đôi  $\text{C}=\text{O}$  trong chất béo.                      D. Gốc axit no.

**Câu 28.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ .                      B.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ .                      C.  $\text{HCOOCH}_3$ .                      D.  $\text{HCOOC}_2\text{H}_5$ .

**Câu 29.** Fructozơ không phản ứng được với:

- A.  $\text{H}_2/\text{Ni}$ ,  $t^\circ$ .                      B.  $[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$ .                      C.  $\text{Cu(OH)}_2$ .                      D. Dung dịch brom.

**Câu 30.** Cho các chất:

I.  $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COONa}$ ; II.  $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{10}\text{CH}_2\text{OSO}_3\text{Na}$ ; III.  $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{10}\text{CH}_2\text{C}_6\text{H}_4\text{SO}_3\text{Na}$ ; IV.  $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOK}$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. II, III.                      B. I, IV.                      C. I, II, III, IV.                      D. I, II, III.

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A.23,92g.                      B.23,95g.                      C.24,95g.                      D.26,12g.

**Câu 2.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

- A.Dung dịch brom.              B. Cu(OH)<sub>2</sub>.                      C. [Ag(NH<sub>3</sub>)<sub>2</sub>]OH.              D.H<sub>2</sub>/Ni, t<sup>o</sup>.

**Câu 3.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng CO<sub>2</sub> sinh ra cho qua dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

- A. 950,5g.                      B.949,2g.                      C.940 g.                      D. 1000g.

**Câu 4.** Khử glucozơ bằng hidro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A.2,25 gam.                      B. 22,5 gam.                      C. 14,4 gam.                      D. 1,44 gam.

**Câu 5.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A.Na kim loại.                      B.Nước brom.  
C.Cu(OH)<sub>2</sub>.                      D.Dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub>.

**Câu 6.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí CO<sub>2</sub> và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

- A.Este đơn chức, thơm.                      B.Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).  
C.Este đơn chức, có vòng no.                      D.Este no, đơn chức.

**Câu 7.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

- A.nilon-6.                      B.lapsan.                      C.nilon-6,6.                      D. nitron.

**Câu 8.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A. dung dịch FeCl<sub>3</sub>.              B. axit HCl.                      C. Cu(OH)<sub>2</sub>.                      D. nước brom.

**Câu 9.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

- A.chất béo.                      B.protein.                      C.lipit.                      D.este.

**Câu 10.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit O<sub>2</sub> đktc thu được 5,4 gam H<sub>2</sub>O. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng Ca(OH)<sub>2</sub> dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A.10 gam.                      B.30 gam.                      C.40 gam.                      D.20 gam.

**Câu 11.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí CO<sub>2</sub> và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A.Fructozơ.                      B.Glucozơ,                      C. Saccarozơ,                      D.Axit axetic.

**Câu 12.** Chất X là chất không màu, không làm quì tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

- A.CH<sub>3</sub>COOH.                      B.HCHO.                      C.HCOOH.                      D.HCOOCH<sub>3</sub>.

**Câu 13.** Cho các chất:

I. C<sub>17</sub>H<sub>35</sub>COONa; II.CH<sub>3</sub>(CH<sub>2</sub>)<sub>10</sub>CH<sub>2</sub>OSO<sub>3</sub>Na; III. CH<sub>3</sub>(CH<sub>2</sub>)<sub>10</sub>CH<sub>2</sub>C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>SO<sub>3</sub>Na; IV. C<sub>17</sub>H<sub>33</sub>COOK. Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A.I, IV.                      B.I, II, III, IV.                      C.II, III.                      D.I, II, III.

**Câu 14.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ....(2).... liên kết với nhau tạo nên.

- A.(1) trung bình và (2) monome.                      B.(1) trung bình và (2) mắt xích.  
C.(1) rất lớn và (2) mắt xích.                      D.(1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 15.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A.tinh bột.                      B. saccarozơ.                      C.glucozơ.                      D. fructozơ.

**Câu 16.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ 0,1% → 0,2%.
- B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu < 0,1%.
- C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu = 0,1%.
- D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu > 0,1%.

**Câu 17.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $C_6H_5NH_2$  là :

- A. Hexyl amoni.
- B. Benzyl amoni.
- C. Anilin.
- D. Benzil amoni.

**Câu 18.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

- A. đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.
- B. chúng thuộc loại cacbohidrat.
- C. đều không có phản ứng tráng bạc.
- D. đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.

**Câu 19.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A. Etyl axetat.
- B. Axetyl etylat.
- C. Metyl axetat.
- D. Axyl etylat.

**Câu 20.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A. 190.
- B. 191.
- C. 189.
- D. 192.

**Câu 21.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.
- B. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.
- C. Ancol.
- D. Dung dịch brom.

**Câu 22.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hiđroxyl?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

**Câu 23.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, đietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 21,123g.
- B. 16,285g.
- C. 20,18g.
- D. 16,825g.

**Câu 24.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A. etyl axetat.
- B. etyl propionat.
- C. etyl fomiat.
- D. propyl axetat.

**Câu 25.** Tripeptit là hợp chất

- A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit.
- B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
- C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
- D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

**Câu 26.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

- A. Nhóm amino.
- B. Nhóm cacboxyl.
- C. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.
- D. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.

**Câu 27.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc axit no.
- B. Gốc axit không no (nôi đôi  $C=C$ ).
- C. Liên kết đôi  $C=O$  trong chất béo.
- D. Gốc glixerol.

**Câu 28.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. năm đồng phân.
- B. ba đồng phân.
- C. bốn đồng phân.
- D. hai đồng phân.

**Câu 29.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $CN-CH=CH_2$  có tên gọi thông thường là

- A. cao su buna-S.
- B. cao su buna.
- C. cao su buna-N.
- D. cao su.

**Câu 30.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $HCOOCH_3$ .
- B.  $HCOOC_2H_5$ .
- C.  $CH_3COOCH_3$ .
- D.  $CH_3COOC_2H_5$ .

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

- A.  $H_2/Ni, t^\circ$ .                      B.  $[Ag(NH_3)_2]OH$ .                      C. Dung dịch brom.                      D.  $Cu(OH)_2$ .

**Câu 2.** Tripeptit là hợp chất

- A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau  
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit  
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit  
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

**Câu 3.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí  $CO_2$  và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

- A. Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).                      B. Este đơn chức, thơm.  
C. Este đơn chức, có vòng no.                      D. Este no, đơn chức.

**Câu 4.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A. glucozơ.                      B. tinh bột.                      C. fructozơ.                      D. saccarozơ.

**Câu 5.** Amino axit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Dung dịch brom.                      B. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.  
C. Ancol.                      D. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.

**Câu 6.** Amino axit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

- A. Nhóm cacboxyl.  
B. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.  
C. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.  
D. Nhóm amino.

**Câu 7.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A. 23,95g.                      B. 24,95g.                      C. 23,92g.                      D. 26,12g.

**Câu 8.** Cho các chất:

I.  $C_{17}H_{35}COONa$ ; II.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2OSO_3Na$ ; III.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2C_6H_4SO_3Na$ ; IV.  $C_{17}H_{33}COOK$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. I, II, III, IV.                      B. I, II, III.                      C. II, III.                      D. I, IV.

**Câu 9.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc axit không no (nội đôi  $C=C$ ).                      B. Liên kết đôi  $C=O$  trong chất béo.  
C. Gốc glixerol.                      D. Gốc axit no.

**Câu 10.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $CH_3COOC_2H_5$ .                      B.  $HCOOCH_3$ .                      C.  $HCOOC_2H_5$ .                      D.  $CH_3COOCH_3$ .

**Câu 11.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A. axit HCl.                      B. dung dịch  $FeCl_3$ .                      C.  $Cu(OH)_2$ .                      D. nước brom.

**Câu 12.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A. Axyl etylat.                      B. Axetyl etylat.                      C. Metyl axetat.                      D. Etyl axetat.

**Câu 13.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $C_6H_5NH_2$  là :

- A. Benzyl amoni.                      B. Anilin.                      C. Benzil amoni.                      D. Hexyl amoni.

**Câu 14.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ....(2).... liên kết với nhau tạo nên.

- A. (1) rất lớn và (2) mắt xích.                      B. (1) trung bình và (2) mắt xích.  
C. (1) rất lớn và (2) monome.                      D. (1) trung bình và (2) monome.

**Câu 15.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. năm đồng phân.                      B. ba đồng phân.                      C. bốn đồng phân.                      D. hai đồng phân.

**Câu 16.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit  $O_2$  đktc thu được 5,4 gam  $H_2O$ . Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng  $Ca(OH)_2$  dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A.10 gam.                      B.40 gam.                      C.30 gam.                      D.20 gam.

**Câu 17.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A.Fructozơ.                      B.Axit axetic.                      C.Glucosơ,                      D. Saccarozơ,

**Câu 18.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng  $CO_2$  sinh ra cho qua dung dịch  $Ca(OH)_2$  dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

- A. 950,5g.                      B.949,2g.                      C. 1000g.                      D.940 g.

**Câu 19.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A.190.                      B.191.                      C.189.                      D.192.

**Câu 20.** Chất X là chất không màu, không làm quỳ tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với  $NaOH$ . Công thức cấu tạo của X là gì?

- A. $HCOOCH_3$ .                      B. $HCHO$ .                      C. $CH_3COOH$ .                      D. $HCOOH$ .

**Câu 21.** Cho các dung dịch : Glucosơ, glixerol, fomanđehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A. $Cu(OH)_2$ .                      B.Na kim loại.  
C.Dung dịch  $AgNO_3$  trong  $NH_3$ .                      D.Nước brom.

**Câu 22.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

- A.nilon-6,6.                      B.nilon-6.                      C.lapsan.                      D. nitron.

**Câu 23.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucosơ có điểm chung là

- A.đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.  
B.chúng thuộc loại cacbohidrat.  
C.đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.  
D. đều không có phản ứng tráng bạc.

**Câu 24.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucosơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hydroxyl?

- A. 2.                      B. 5.                      C. 4.                      D. 3.

**Câu 25.** Khử glucosơ bằng hiđro để tạo sobitol. Lượng glucosơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 22,5 gam.                      B. 14,4 gam.                      C.2,25 gam.                      D. 1,44 gam.

**Câu 26.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch  $KOH$  1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A.propyl axetat.                      B.etyl propionat.                      C.etyl fomiat.                      D.etyl axetat.

**Câu 27.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch  $HCl$  1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A.16,825g.                      B.16,285g.                      C. 20,18g.                      D. 21,123g.

**Câu 28.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $CN-CH=CH_2$  có tên gọi thông thường là

- A.cao su buna.                      B.cao su.                      C.cao su buna-S.                      D.cao su buna-N.

**Câu 29.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

- A.este.                      B.protein.                      C.chất béo.                      D.lipit.

**Câu 30.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucosơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucosơ trong máu > 0,1%.  
B. Khi bệnh nhân có lượng glucosơ trong máu < 0,1%.  
C. Khi bệnh nhân có lượng glucosơ trong máu từ 0,1% → 0,2%.  
D. Khi bệnh nhân có lượng glucosơ trong máu = 0,1%.

\*\*\* HẾT \*\*\*



**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24;Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64;Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hydroxyl?

- A. 2.                                      B. 4.                                      C. 3.                                      D. 5.

**Câu 2.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ 0,1%  $\rightarrow$  0,2%.  
B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu < 0,1%.  
C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu = 0,1%.  
D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu > 0,1%.

**Câu 3.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $C_6H_5NH_2$  là :

- A. Anilin.                                      B. Benzyl amoni.                                      C. Benzil amoni.                                      D. Hexyl amoni.

**Câu 4.** Cho các chất:

I.  $C_{17}H_{35}COONa$ ; II.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2OSO_3Na$ ; III.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2C_6H_4SO_3Na$ ; IV.  $C_{17}H_{33}COOK$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. I, II, III.                                      B. I, II, III, IV.                                      C. I, IV.                                      D. II, III.

**Câu 5.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

- A. chúng thuộc loại cacbohidrat.  
B. đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.  
C. đều không có phản ứng tráng bạc.  
D. đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.

**Câu 6.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.                                      B. Ancol.  
C. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.                                      D. Dung dịch brom.

**Câu 7.** Khử glucozơ bằng hidro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 1,44 gam.                                      B. 2,25 gam.                                      C. 14,4 gam.                                      D. 22,5 gam.

**Câu 8.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. năm đồng phân.                                      B. bốn đồng phân.                                      C. hai đồng phân.                                      D. ba đồng phân.

**Câu 9.** Chất X là chất không màu, không làm quì tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

- A. HCHO.                                      B.  $HCOOCH_3$ .                                      C. HCOOH.                                      D.  $CH_3COOH$ .

**Câu 10.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $CH_3COOC_2H_5$ .                                      B.  $HCOOC_2H_5$ .                                      C.  $CH_3COOCH_3$ .                                      D.  $HCOOCH_3$ .

**Câu 11.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A. Dung dịch  $AgNO_3$  trong  $NH_3$ .                                      B.  $Cu(OH)_2$ .  
C. Na kim loại.                                      D. Nước brom.

**Câu 12.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A. etyl axetat.                                      B. etyl fomiat.                                      C. propyl axetat.                                      D. etyl propionat.

**Câu 13.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lít  $O_2$  đktc thu được 5,4 gam  $H_2O$ . Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng  $Ca(OH)_2$  dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A. 40 gam.                                      B. 10 gam.                                      C. 30 gam.                                      D. 20 gam.

**Câu 14.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

A.23,92g.

B.26,12g.

C.24,95g.

D.23,95g.

**Câu 15.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

A. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.

B.Nhóm amino.

C. Nhóm cacboxyl.

D. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.

**Câu 16.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

A.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ .

B. dung dịch  $\text{FeCl}_3$ .

C. nước brom.

D. axit HCl.

**Câu 17.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

A. saccarozơ.

B.glucozơ.

C.tinh bột.

D. fructozơ.

**Câu 18.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

A.Dung dịch brom.

B.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ .

C.  $[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$ .

D. $\text{H}_2/\text{Ni}$ ,  $t^\circ$ .

**Câu 19.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $\text{CO}_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

A.Fructozơ.

B.Axit axetic.

C.Glucozơ,

D. Saccarozơ,

**Câu 20.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

A. nitron.

B.nilon-6.

C.lapsan.

D.nilon-6,6.

**Câu 21.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

A.192.

B.189.

C.191.

D.190.

**Câu 22.** Chất béo dễ lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

A.Gốc glixerol.

B.Gốc axit no.

C.Liên kết đôi  $\text{C}=\text{O}$  trong chất béo.

D.Gốc axit không no (nôi đôi  $\text{C}=\text{C}$ ).

**Câu 23.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ....(2).... liên kết với nhau tạo nên.

A.(1) trung bình và (2) monome.

B.(1) rất lớn và (2) mắt xích.

C.(1) trung bình và (2) mắt xích.

D.(1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 24.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

A. 21,123g.

B.16,285g.

C. 20,18g.

D.16,825g.

**Câu 25.** Tripeptit là hợp chất

A.có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau

B.có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

C.có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit

D. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit

**Câu 26.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng  $\text{CO}_2$  sinh ra cho qua dung dịch  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

A. 1000g.

B. 950,5g.

C.940 g.

D.949,2g.

**Câu 27.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

A.protein.

B.lipit.

C.chất béo.

D.este.

**Câu 28.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

A.Etyl axetat.

B. Axetyl etylat.

C.Metyl axetat.

D.Axyl etylat.

**Câu 29.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $\text{CN-CH}=\text{CH}_2$  có tên gọi thông thường là

A.cao su buna-S.

B.cao su.

C.cao su buna.

D.cao su buna-N.

**Câu 30.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí  $\text{CO}_2$  và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

A.Este đơn chức, thơm.

B.Este đơn chức, có vòng no.

C.Este no, đơn chức.

D.Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Tripeptit là hợp chất

- A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit
- B. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit
- C. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau
- D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

**Câu 2.** Cho các chất:

I.  $C_{17}H_{35}COONa$ ; II.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2OSO_3Na$ ; III.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2C_6H_4SO_3Na$ ; IV.  $C_{17}H_{33}COOK$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. I, II, III.
- B. I, II, III, IV.
- C. II, III.
- D. I, IV.

**Câu 3.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $HCOOC_2H_5$ .
- B.  $CH_3COOCH_3$ .
- C.  $CH_3COOC_2H_5$ .
- D.  $HCOOCH_3$ .

**Câu 4.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $CN-CH=CH_2$  có tên gọi thông thường là

- A. cao su buna.
- B. cao su buna-N.
- C. cao su.
- D. cao su buna-S.

**Câu 5.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ... (1) ... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là .... (2) .... liên kết với nhau tạo nên.

- A. (1) trung bình và (2) monome.
- B. (1) rất lớn và (2) mắt xích.
- C. (1) trung bình và (2) mắt xích.
- D. (1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 6.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $C_6H_5NH_2$  là :

- A. Anilin.
- B. Benzil amoni.
- C. Hexyl amoni.
- D. Benzyl amoni.

**Câu 7.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A.  $Cu(OH)_2$ .
- B. axit HCl.
- C. dung dịch  $FeCl_3$ .
- D. nước brom.

**Câu 8.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. ba đồng phân.
- B. hai đồng phân.
- C. năm đồng phân.
- D. bốn đồng phân.

**Câu 9.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A. Saccarozơ.
- B. Fructozơ.
- C. Axit axetic.
- D. Glucozơ.

**Câu 10.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng  $CO_2$  sinh ra cho qua dung dịch  $Ca(OH)_2$  dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

- A. 1000g.
- B. 949,2g.
- C. 940 g.
- D. 950,5g.

**Câu 11.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ 0,1%  $\rightarrow$  0,2%.
- B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu = 0,1%.
- C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu > 0,1%.
- D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu < 0,1%.

**Câu 12.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A. etyl propionat.
- B. etyl axetat.
- C. etyl fomiat.
- D. propyl axetat.

**Câu 13.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, đietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 16,825g.
- B. 21,123g.
- C. 16,285g.
- D. 20,18g.

**Câu 14.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A. saccarozơ.
- B. glucozơ.
- C. tinh bột.
- D. fructozơ.

**Câu 15.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hydroxyl?

A. 4.

B. 3.

C. 5.

D. 2.

**Câu 16.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

A.23,95g.

B.23,92g.

C.24,95g.

D.26,12g.

**Câu 17.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

A.Cu(OH)<sub>2</sub>.

B.Nước brom.

C.Na kim loại.

D.Dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub>.

**Câu 18.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

A. Axetyl etylat.

B.Metyl axetat.

C.Axyl etylat.

D.Etyl axetat.

**Câu 19.** Chất X là chất không màu, không làm quì tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

A.HCOOCH<sub>3</sub>.

B.HCHO.

C.HCOOH.

D.CH<sub>3</sub>COOH.

**Câu 20.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí CO<sub>2</sub> và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

A.Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).

B.Este no, đơn chức.

C.Este đơn chức, thơm.

D.Este đơn chức, có vòng no.

**Câu 21.** Axit adipic và hexametylen diamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

A.nilon-6.

B.lapsan.

C.nilon-6,6.

D. nitron.

**Câu 22.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

A.Gốc axit no.

B.Gốc glixerol.

C.Liên kết đôi C=O trong chất béo.

D.Gốc axit không no (nôi đôi C=C).

**Câu 23.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

A.190.

B.192.

C.191.

D.189.

**Câu 24.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

A.lipit.

B.chất béo.

C.este.

D.protein.

**Câu 25.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

A. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.

B. Nhóm cacboxyl.

C. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.

D.Nhóm amino.

**Câu 26.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

A. [Ag(NH<sub>3</sub>)<sub>2</sub>]OH.

B. Cu(OH)<sub>2</sub>.

C.Dung dịch brom.

D.H<sub>2</sub>/Ni, t<sup>o</sup>.

**Câu 27.** Khử glucozơ bằng hidro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

A. 14,4 gam.

B. 1,44 gam.

C.2,25 gam.

D. 22,5 gam.

**Câu 28.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

A. Ancol.

B. Dung dịch brom.

C. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.

D. Axit (H<sup>+</sup>) và axit nitơ.

**Câu 29.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit O<sub>2</sub> đktc thu được 5,4 gam H<sub>2</sub>O. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng Ca(OH)<sub>2</sub> dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

A.40 gam.

B.20 gam.

C.10 gam.

D.30 gam.

**Câu 30.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

A.đều tác dụng được với Cu(OH)<sub>2</sub> cho dung dịch xanh lam.

B. đều không có phản ứng tráng bạc.

C.chúng thuộc loại cacbohidrat.

D.đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomanđehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A. Dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$ .  
B. Na kim loại.  
C. Nước brom.  
D.  $\text{Cu(OH)}_2$ .

**Câu 2.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

- A.  $\text{Cu(OH)}_2$ .  
B.  $[\text{Ag(NH}_3)_2]\text{OH}$ .  
C.  $\text{H}_2/\text{Ni}$ ,  $t^\circ$ .  
D. Dung dịch brom.

**Câu 3.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

- A. chất béo.  
B. este.  
C. protein.  
D. lipit.

**Câu 4.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với  $\text{CN-CH=CH}_2$  có tên gọi thông thường là

- A. cao su buna.  
B. cao su buna-S.  
C. cao su buna-N.  
D. cao su.

**Câu 5.** Chất X là chất không màu, không làm quì tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

- A.  $\text{HCOOH}$ .  
B.  $\text{HCOOCH}_3$ .  
C.  $\text{HCHO}$ .  
D.  $\text{CH}_3\text{COOH}$ .

**Câu 6.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A. Metyl axetat.  
B. Etyl axetat.  
C. Axyl etylat.  
D. Axetyl etylat.

**Câu 7.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A. saccarozơ.  
B. fructozơ.  
C. glucozơ.  
D. tinh bột.

**Câu 8.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí  $\text{CO}_2$  và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

- A. Este đơn chức, có vòng no.  
B. Este đơn chức, thơm.  
C. Este no, đơn chức.  
D. Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).

**Câu 9.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  là :

- A. Anilin.  
B. Benzyl amoni.  
C. Benzil amoni.  
D. Hexyl amoni.

**Câu 10.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit  $\text{O}_2$  đktc thu được 5,4 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng  $\text{Ca(OH)}_2$  dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A. 40 gam.  
B. 20 gam.  
C. 10 gam.  
D. 30 gam.

**Câu 11.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng  $\text{CO}_2$  sinh ra cho qua dung dịch  $\text{Ca(OH)}_2$  dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

- A. 940 g.  
B. 950,5g.  
C. 949,2g.  
D. 1000g.

**Câu 12.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 20,18g.  
B. 16,285g.  
C. 16,825g.  
D. 21,123g.

**Câu 13.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ...(1)... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là ...(2)... liên kết với nhau tạo nên.

- A. (1) rất lớn và (2) monome.  
B. (1) trung bình và (2) mắt xích.  
C. (1) trung bình và (2) monome.  
D. (1) rất lớn và (2) mắt xích.

**Câu 14.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A. etyl axetat.  
B. etyl fomiat.  
C. etyl propionat.  
D. propyl axetat.

**Câu 15.** Cho các chất:

I.  $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COONa}$ ; II.  $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{10}\text{CH}_2\text{OSO}_3\text{Na}$ ; III.  $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{10}\text{CH}_2\text{C}_6\text{H}_4\text{SO}_3\text{Na}$ ; IV.  $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOK}$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. I, II, III.  
B. II, III.  
C. I, IV.  
D. I, II, III, IV.

**Câu 16.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch  $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$  thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ .  
B.  $\text{HCOOCH}_3$ .  
C.  $\text{HCOOC}_2\text{H}_5$ .  
D.  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ .

**Câu 17.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $> 0,1\%$ .
- B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $< 0,1\%$ .
- C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ  $0,1\% \rightarrow 0,2\%$ .
- D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $= 0,1\%$ .

**Câu 18.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

- A. nilon-6.
- B. nitron.
- C. lapsan.
- D. nilon-6,6.

**Câu 19.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

- A. Nhóm cacboxyl.
- B. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.
- C. Nhóm amino.
- D. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.

**Câu 20.** Tripeptit là hợp chất

- A. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit
- B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit
- C. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau
- D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau

**Câu 21.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A. 191.
- B. 192.
- C. 189.
- D. 190.

**Câu 22.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hiđroxyl?

- A. 4.
- B. 5.
- C. 2.
- D. 3.

**Câu 23.** Khử glucozơ bằng hiđro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 14,4 gam.
- B. 2,25 gam.
- C. 1,44 gam.
- D. 22,5 gam.

**Câu 24.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

- A. đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.
- B. đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.
- C. chúng thuộc loại cacbohidrat.
- D. đều không có phản ứng tráng bạc.

**Câu 25.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc glixerol.
- B. Gốc axit không no (nôi đôi  $C=C$ ).
- C. Liên kết đôi  $C=O$  trong chất béo.
- D. Gốc axit no.

**Câu 26.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. ba đồng phân.
- B. năm đồng phân.
- C. bốn đồng phân.
- D. hai đồng phân.

**Câu 27.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A. Glucozơ,
- B. Fructozơ.
- C. Axit axetic.
- D. Saccarozơ,

**Câu 28.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A. nước brom.
- B.  $Cu(OH)_2$ .
- C. dung dịch  $FeCl_3$ .
- D. axit HCl.

**Câu 29.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.
- B. Dung dịch brom.
- C. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.
- D. Ancol.

**Câu 30.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A. 23,92g.
- B. 23,95g.
- C. 26,12g.
- D. 24,95g.

\*\*\* HẾT \*\*\*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

(**Biết:** Na=23; K=39; Ag=108; Al=27; Mg=24; Ca=40; Ba=137; Zn=65; Cu=64; Sn=118; Pb=207; Fe=56; O=16; H=1; S=32; P=31; Cl=35,5; Br=80; N=14; C=12; Si=28).

**Câu 1.** Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dung dịch KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

- A. propyl axetat.                      B. etyl fomiat.                      C. etyl propionat.                      D. etyl axetat.

**Câu 2.** Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ trong phân tử chứa.

- A. Một hoặc nhiều nhóm amino và một hoặc nhiều nhóm cacboxyl.  
B. Nhóm cacboxyl.  
C. Một nhóm amino và một nhóm Cacboxyl.  
D. Nhóm amino.

**Câu 3.** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức X cần 10,08 lit O<sub>2</sub> đktc thu được 5,4 gam H<sub>2</sub>O. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm vào bình đựng Ca(OH)<sub>2</sub> dư thì thu được bao nhiêu gam kết tủa?

- A. 10 gam.                      B. 20 gam.                      C. 40 gam.                      D. 30 gam.

**Câu 4.** Phản ứng este hóa giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A. Metyl axetat.                      B. Etyl axetat.                      C. Axetyl etylat.                      D. Axyl etylat.

**Câu 5.** Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong định nghĩa về polime : "Polime là những hợp chất có phân tử khối ... (1) ... do nhiều đơn vị nhỏ gọi là .... (2) .... liên kết với nhau tạo nên.

- A. (1) trung bình và (2) mắt xích.                      B. (1) rất lớn và (2) mắt xích.  
C. (1) trung bình và (2) monome.                      D. (1) rất lớn và (2) monome.

**Câu 6.** Axit adipic và hexametylen điamin tham gia phản ứng trùng ngưng với nhau, tạo thành polime để sản xuất tơ:

- A. nitron.                      B. nilon-6,6.                      C. nilon-6.                      D. lapsan.

**Câu 7.** Tripeptit là hợp chất

- A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit  
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau  
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit  
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau

**Câu 8.** Khi thủy phân 500g protein X thu được 170g alanin. Nếu phân tử khối của X là 50.000 thì số mắt xích alanin trong phân tử X là bao nhiêu ?

- A. 191.                      B. 190.                      C. 189.                      D. 192.

**Câu 9.** Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> thu được 21,6g kết tủa. CTPT của este là:

- A. HCOOCH<sub>3</sub>.                      B. CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>.                      C. HCOOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.                      D. CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.

**Câu 10.** Cho một lượng tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ lượng CO<sub>2</sub> sinh ra cho qua dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> dư, thu được 750g kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Khối lượng tinh bột phải dùng là:

- A. 1000g.                      B. 940 g.                      C. 949,2g.                      D. 950,5g.

**Câu 11.** Sản phẩm trùng hợp của butadien- 1,3 với CN-CH=CH<sub>2</sub> có tên gọi thông thường là

- A. cao su buna-S.                      B. cao su buna.                      C. cao su.                      D. cao su buna-N.

**Câu 12.** Chất X là chất không màu, không làm quì tím đổi màu, tham gia phản ứng tráng gương, tác dụng được với NaOH. Công thức cấu tạo của X là gì?

- A. HCOOCH<sub>3</sub>.                      B. CH<sub>3</sub>COOH.                      C. HCHO.                      D. HCOOH.

**Câu 13.** Khử glucozơ bằng hiđro để tạo sobitol. Lượng glucozơ để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A. 14,4 gam.                      B. 2,25 gam.                      C. 1,44 gam.                      D. 22,5 gam.

**Câu 14.** Khi đốt cháy một este thu được thể tích khí CO<sub>2</sub> và thể tích hơi nước bằng nhau ở cùng điều kiện thì este đó thuộc loại:

- A. Este đơn chức, có vòng no.                      B. Este đơn chức, thơm.  
C. Este no, đơn chức.                      D. Este đơn chức, không no (có 1 liên kết đôi).

**Câu 15.** Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh gọi là:

- A.lipit. B.chất béo. C.protein. D.este.

**Câu 16.** Cho 0,1mol axit Glutamic tác dụng với 120ml dd HCl 1M thu được dung dịch A. Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn cẩn thận dung dịch sau phản ứng thu được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A.23,95g. B.24,95g. C.23,92g. D.26,12g.

**Câu 17.** Chất **không** tan được trong nước lạnh là

- A.tinh bột. B. saccarozơ. C. fructozơ. D.glucozơ.

**Câu 18.** Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, đietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 20,18g. B. 21,123g. C.16,825g. D.16,285g.

**Câu 19.** Qua nghiên cứu phản ứng este hóa xelulozơ, người ta thấy mỗi gốc glucozơ ( $C_6H_{10}O_5$ ) có mấy nhóm hiđroxyl?

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

**Câu 20.** Aminoaxit **không** thể phản ứng với loại chất nào dưới đây?

- A. Ancol. B. Kim loại, oxit bazơ, bazơ và muối.  
C. Dung dịch brom. D. Axit ( $H^+$ ) và axit nitơ.

**Câu 21.** Fructozơ **không** phản ứng được với:

- A.  $Cu(OH)_2$ . B.  $H_2/Ni, t^o$ . C. Dung dịch brom. D.  $[Ag(NH_3)_2]OH$ .

**Câu 22.** Chất béo để lâu bị ôi là do thành phần nào trong chất béo đã bị oxi hóa chậm bởi không khí?

- A. Gốc axit no. B. Liên kết đôi  $C=O$  trong chất béo.  
C. Gốc glixerol. D. Gốc axit không no (nôi đôi  $C=C$ ).

**Câu 23.** Cho các dung dịch : Glucozơ, glixerol, fomandehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể dùng để phân biệt được cả 4 dung dịch trên ?

- A.  $Cu(OH)_2$ . B. Na kim loại.  
C. Dung dịch  $AgNO_3$  trong  $NH_3$ . D. Nước brom.

**Câu 24.** Cho các chất:

I.  $C_{17}H_{35}COONa$ ; II.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2OSO_3Na$ ; III.  $CH_3(CH_2)_{10}CH_2C_6H_4SO_3Na$ ; IV.  $C_{17}H_{33}COOK$ . Những chất được sử dụng làm chất giặt rửa tổng hợp là:

- A. I, II, III. B. I, IV. C. I, II, III, IV. D. II, III.

**Câu 25.** Khi nào bệnh nhân được truyền trực tiếp dung dịch glucozơ (Còn được gọi với biệt danh "Huyết thanh ngọt")?

- A. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $< 0,1\%$ .  
B. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $= 0,1\%$ .  
C. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu  $> 0,1\%$ .  
D. Khi bệnh nhân có lượng glucozơ trong máu từ  $0,1\% \rightarrow 0,2\%$ .

**Câu 26.** Dung dịch etylamin **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A.  $Cu(OH)_2$ . B. dung dịch  $FeCl_3$ . C. axit HCl. D. nước brom.

**Câu 27.** Giữa tinh bột, saccarozơ, glucozơ có điểm chung là

- A. đều tác dụng được với  $Cu(OH)_2$  cho dung dịch xanh lam.  
B. chúng thuộc loại cacbohidrat.  
C. đều bị thủy phân bởi dung dịch axit.  
D. đều không có phản ứng tráng bạc.

**Câu 28.** Tên gọi của chất có công thức cấu tạo  $C_6H_5NH_2$  là :

- A. Hexyl amoni. B. Anilin. C. Benzil amoni. D. Benzyl amoni.

**Câu 29.** Khi đốt cháy hoàn toàn một hợp chất hữu cơ thu được hỗn hợp khí  $CO_2$  và hơi nước có tỉ lệ mol là 1 : 1. Chất này có thể lên men rượu. Chất đó là chất nào trong các chất sau ?

- A. Axit axetic. B. Glucozơ, C. Fructozơ. D. Saccarozơ,

**Câu 30.** Công thức phân tử  $C_3H_9N$  ứng với bao nhiêu đồng phân?

- A. năm đồng phân. B. ba đồng phân. C. bốn đồng phân. D. hai đồng phân.

\*\*\* HẾT \*\*\*



**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2018-2019**  
**MÔN HÓA HỌC 12**

**Đáp án mã đề: 153**

- |   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| 01. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 09. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 17. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 25. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 02. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 03. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 19. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 12. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 20. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 28. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 05. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 13. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 21. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 29. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 06. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 14. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 15. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 23. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |   |
| 08. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 16. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |   |

**Đáp án mã đề: 187**

- |   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| 01. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 09. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 17. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 25. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 02. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 03. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 19. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 12. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 20. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 28. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 05. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 13. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 21. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 29. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 06. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 14. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 15. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 23. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |   |
| 08. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 16. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |   |

**Đáp án mã đề: 221**

- |   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| 01. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 09. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 17. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 25. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 02. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |
| 03. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 19. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 12. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 20. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 28. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 05. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 13. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 21. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 29. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 06. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 14. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> C <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 15. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 23. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       |   |
| 08. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> D                       | 16. <input type="radio"/> <input type="radio"/> B <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |   |

**Đáp án mã đề: 255**

- |  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| 01. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 09. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 17. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 25. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 02. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |
| 03. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 19. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 12. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 20. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 28. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |
| 05. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 13. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 21. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 29. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 06. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 14. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 15. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 23. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |  |
| 08. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 16. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |  |

**Đáp án mã đề: 289**

- |  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| 01. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 09. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 17. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 25. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 02. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |
| 03. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 19. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 12. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 20. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 28. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 05. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 13. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 21. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 29. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |
| 06. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 14. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 15. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 23. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |  |
| 08. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 16. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> |  |

**Đáp án mã đề: 323**

- |  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| 01. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 09. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 17. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 25. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 02. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 10. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 18. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 26. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 03. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 11. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 19. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 27. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 04. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 12. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 20. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 28. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 05. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 13. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 21. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 29. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 06. <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 14. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> | 22. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 30. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| 07. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 15. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> | 23. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |  |
| 08. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 16. <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> | 24. <input type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> |  |

**Đáp án mã đề: 357**

01.     D

02.     D

03.  A    C

04.    C  D

05.   B   C

06.   B   C

07.     D

08.    C  D

09.  A    C

10.  A    C

11.    C  D

12.    C  D

13.     D

14.  A    C

15.   B   C

16.    C  D

17.   B   C

18.     D

19.     D

20.   B   C

21.  A    C

22.     D

23.   B   C

24.    C  D

25.   B   C

26.    C  D

27.  A    C

28.  A    C

29.   B   C

30.    C  D

**Đáp án mã đề: 391**

01.     D

02.  A    C

03.    C  D

04.   B   C

05.   B   C

06.   B   C

07.  A    C

08.  A    C

09.    C  D

10.    C  D

11.     D

12.  A    C

13.   B   C

14.    C  D

15.   B   C

16.     D

17.  A    C

18.    C  D

19.     D

20.    C  D

21.    C  D

22.     D

23.  A    C

24.     D

25.  A    C

26.     D

27.   B   C

28.   B   C

29.   B   C

30.    C  D